

Bản án số: 29/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 30 - 8 - 2022

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN
Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Mai Thị Hồng Thái
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Vũ Văn Hoàn
2. Bà Nguyễn Thị Nguyệt
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lô Thị Lệ Hoài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa:* Ông Vũ Hoàng Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 48/2022/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2022 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị M, sinh năm 1985;

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh Lâm Văn C, sinh năm 1982; (Vắng mặt)

(Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do)

Đều cư trú: Xóm TY, xã HB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Lê Thị M trình bày:

Chị và anh Lâm Văn C kết hôn năm 2004, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn với anh C chị về làm dâu gia đình anh C tại xóm TY, xã HB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận,

hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và cuộc sống vợ chồng có sự va chạm trong sinh hoạt cùng gia đình chồng.

Lý do chị ly hôn anh C anh C không quan tâm gì đến vợ con mà chỉ ham chơi bởi rượu chè say sỉn, thường xuyên rượu say rồi về nhà chửi bới vợ con, nhiều lần anh C đánh chị rất đau, nhiều lần chị và bố mẹ của anh C khuyên nhủ, can ngăn việc anh C đi uống rượu nhưng anh C không thay đổi mà vẫn thường xuyên chửi bới chị, cuộc sống vợ chồng không đầm ấm hạnh phúc. Do vợ chồng mâu thuẫn gay gắt cũng chỉ do anh C thường xuyên đi uống rượu say rồi về nhà gây sự đánh chị, hành hạ không cho chị nghỉ ngơi nên chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó chị ra ngoài thuê nhà để ở và bán hàng nước, chị đã sống ly thân anh C từ tháng 2 năm 2022 đến nay, cả hai bên không quan tâm gì đến nhau. Từ khi chị và anh C sống ly thân đến nay anh C vẫn thường xuyên rượu say rồi đi tìm chị để chửi bới, đánh chị, bản thân anh C không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nay chị xác định cuộc hôn nhân giữa chị và anh C đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau nên chị khởi kiện ly hôn anh C, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh C để khỏi ràng buộc nhau về quan hệ hôn nhân, cho chị cuộc sống yên ổn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung, con lớn tên là Lâm Văn L, sinh ngày 22/8/2005, con thứ hai tên là Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 27/5/2013. Quá trình giải quyết vụ án chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 27/5/2013 đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Hiện nay con lớn Lâm Văn L, sinh ngày 22/8/2005 không đi học mà đi làm thuê ở Hà Nội, thi thoảng về nhà với anh Lâm Văn C và ông bà nội (bố mẹ anh C) rồi lại đi, nguyện vọng của con Lâm Văn L được ở với bố nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh C không hợp tác giải quyết và không có quan điểm về hôn nhân, con chung, tài sản chung nên tại phiên tòa chị M đề nghị HĐXX xem xét cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục cả hai con chung đến khi con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Đ đã thực hiện việc tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng cho anh Lâm Văn C theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng anh C không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án theo quy định, do vậy Tòa án không xác định được lời khai của anh C về các mối quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung và cũng không tiến hành hòa giải được.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ tại địa phương nơi cư trú của anh C về tình trạng hôn nhân. Kết quả

xác định: Sau khi anh C chị M tìm hiểu nhau, gia đình có làm đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới xong, anh C và chị M về ở cùng bố mẹ chồng tại xóm TY, xã HB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Thời gian đầu cuộc sống của vợ chồng anh C chị M sống hạnh phúc, hai vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn khoảng từ năm 2021. Vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, đầu năm 2022 chị M bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ đó cho đến nay. Anh C và chị M có 02 con chung là Lâm Văn L, sinh ngày 22/8/2005, con thứ hai tên là Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 27/5/2013. Cháu Lâm Văn L hiện đã đi làm ở dưới Hà Nội, cháu T hiện đang ở với mẹ(chị M). Việc chị M có đơn xin ly hôn anh C là việc riêng của gia đình anh C và chị M xóm, xã không can thiệp.

Hiện nay anh C vẫn đăng ký hộ khẩu tại địa phương và đang làm bảo vệ tại Công ty Sam Sung thuộc khu công nghiệp yên Bình, thành phố Phổ Yên, tỉnh Thái Nguyên. Anh C làm hết ca thì về nhà nghỉ một hai ngày sau đó lại đi làm.

Tại đơn đề nghị đề ngày 15/7/2022, ý kiến, nguyện vọng của con chung trên 07 tuổi của đương sự, con chung Lâm Văn L, sinh ngày 22/8/2005 có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn cháu muốn ở cùng với bố. Con chung Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 27/5/2013 có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn cháu muốn ở cùng với mẹ.

Tòa án đã tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh C nhưng anh C không có nhà nên đã giao cho ông Lâm Văn Q, bà Dương Thị H (là bố mẹ đẻ của anh C) ông bà nhận thay và cam kết giao tận tay anh C tuy nhiên các phiên họp theo Thông báo của Tòa án anh C vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Do anh C không hợp tác với chị M trong việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử: áp dụng các Điều 21, 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 19, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên

xử: + Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị M, cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Lâm Văn C.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là Lâm Văn L, sinh ngày 22/8/2005, Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 27/5/2013 cho chị Lê Thị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Không xem xét, giải quyết vì chị M không có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết do chị M không yêu cầu.

+ Án phí: Chị Lê Thị M phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước.

+ Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

*** Về tố tụng:** Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa Nguyên đơn chị Lê Thị M với bị đơn anh Lâm Văn C, cùng đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã HB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ và tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh Lâm Văn C theo quy định Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự về Thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo trực tiếp cho cá nhân, các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt cho anh Lâm Văn C thông qua người thân ở cùng nhà và có cùng hộ khẩu nơi cư trú, tuy nhiên, anh Lâm Văn C không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án; do vậy, vụ án không tiến hành hòa giải được, phải đưa ra xét xử công khai. Tại phiên tòa lần thứ hai anh Lâm Văn C vắng mặt không có lý do là không có ý thức chấp hành pháp luật. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn - anh Lâm Văn C theo quy định của pháp luật.

*** Về nội dung vụ án:**

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị M với anh Lâm Văn C kết hôn năm 2004 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Lý do ly hôn theo chị M trình bày: Sau khi kết hôn vợ chồng chị M và anh C chung sống cùng gia đình bố mẹ đẻ của anh C tại xóm TY, xã HB, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc, khoảng năm 2021 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong

cuộc sống. Đầu năm 2022, do vợ chồng mâu thuẫn gay gắt, anh C đánh chị M, hành hạ không cho chị được nghỉ ngơi nên chị đã về nhà bố mẹ đẻ ở, sau đó ra ngoài thuê nhà để ở và làm ăn, chị sống ly thân anh C từ tháng 2 năm 2022 đến nay. Từ khi chị và anh C sống ly thân đến nay anh C vẫn thường xuyên uống rượu say và đi tìm chị chửi bới, hiện nay cả hai vợ chồng đã sống ly thân, hiện mỗi người sống một nơi, không còn sự quan tâm, chia sẻ lẫn nhau.

Tại phiên tòa hôm nay chị M xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2021, chị không còn yêu thương anh C, tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh C để ổn định cuộc sống.

Anh C không hợp tác giải quyết vụ án ly hôn với chị M, theo ý kiến của chị M tại phiên tòa thì anh C không có biện pháp gì để gắn kết tình cảm vợ chồng mà để mặc cho tình trạng vợ chồng sống ly thân từ tháng 2 năm 2022 đến nay, hiện nay hai bên không sống chung một nhà mà sống mỗi người một nơi, hai bên không còn quan tâm đến nhau là vi phạm Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình về tình nghĩa vợ chồng. Nội dung điều luật quy định:

“Điều 19. Tình nghĩa vợ chồng.

1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác”

HĐXX xét thấy về quan hệ hôn nhân giữa chị M và anh C đã xảy ra mâu thuẫn vợ chồng từ năm 2021 và sống ly thân từ tháng 2/2022 đến nay, hiện nay hai bên không cùng sống chung một nhà mà sống mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau nên xác định tình cảm vợ chồng giữa chị Lê Thị M và anh Lâm Văn C không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân sẽ không mang lại hạnh phúc cho cả hai bên. Vì vậy xét yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị M là có cơ sở chấp nhận, nên cho chị Lê Thị M được ly hôn anh Lâm Văn C là phù hợp với thực tế và Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là Lâm Văn L, sinh ngày 22/8/2005 và Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 27/5/2013. Trong quá trình giải quyết vụ án ý kiến của chị M là mỗi người nuôi một con nên không yêu cầu Tòa án giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con nhưng tại phiên tòa mở lần thứ 2 do anh C không có mặt tại phiên tòa nên chị không biết ý kiến của anh C như thế nào về việc nuôi con chung do vậy chị đề nghị HĐXX giao cho chị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung là Lâm Văn L, sinh ngày 22/8/2005 và Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 27/5/2013 đến

khi con trưởng thành(đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung chị không ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại chị M có chỗ ở và có thu nhập ổn định đảm bảo các điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án không thu thập được lời khai, quan điểm của anh C về việc nuôi con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của hai con chung sau khi vợ chồng ly hôn thì cần giao 02 con chung là Lâm Văn L và Lâm Thị Cẩm T cho chị M trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi hai con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi các bên có sự thay đổi khác. Anh C có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án.

[3]. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M không yêu cầu giải quyết phần tài sản chung, nợ chung. Anh C không hợp tác giải quyết vụ án nên không thu thập được ý kiến, quan điểm của anh C nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án ly hôn này. Khi các đương sự có yêu cầu giải quyết tài sản chung, nợ chung thì có quyền khởi kiện bằng vụ kiện khác, kèm theo các tài liệu chứng cứ để chứng minh.

[4]. Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Lê Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước.

[5]. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 482, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật thi hành án dân sự

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Lê Thị M, cho chị Lê Thị M được ly hôn với anh Lâm Văn C.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Lâm Văn L, sinh ngày 22/8/2005 và Lâm Thị Cẩm T, sinh ngày 27/5/2013 cho chị Lê Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi hai con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

* *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung:* Chị M không yêu cầu nên HĐXX không giải quyết phần cấp dưỡng nuôi con.

* *Quyền đi lại thăm nom con chung:* Anh Lâm Văn C có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con chung;

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các bên đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Chị Lê Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm vào Ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005308 ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Lê Thị M đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm có mặt chị Lê Thị M, vắng mặt anh Lâm Văn C. Báo cho chị M biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Chi cục THADS huyện Đ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND nơi ĐKKH năm 2004, xã HB,
huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Lưu: HS, bộ phận HNGĐ.

ĐÃ KÝ

Mai Thị Hồng Thái